

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-28



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Bến xe Hà Nội được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 05 tháng 05 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Trung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tùng Anh	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Toàn	Ủy viên
Ông Lưu Thành Nam	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tùng Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thúy Hạnh	Trưởng Ban
Ông Trần Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Tú	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Tùng Anh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 30 tháng 06 năm 2016, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

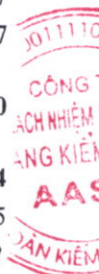
Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		36.000.622.409	29.978.065.060
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.276.795.768	15.564.251.716
111	1. Tiền		19.276.795.768	15.564.251.716
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	12.600.000.000	12.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		12.600.000.000	12.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.589.652.021	1.304.811.097
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	729.134.594	310.746.510
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.480.278.507	626.978.200
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	380.238.920	367.086.387
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		534.174.620	509.002.247
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	534.174.620	509.002.247
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		84.080.531.345	87.158.704.080
220	II. Tài sản cố định		79.636.638.537	81.663.228.544
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	79.532.303.316	81.440.926.985
222	- Nguyên giá		146.003.825.483	143.192.075.122
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(66.471.522.167)	(61.751.148.137)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	104.335.221	222.301.559
228	- Nguyên giá		1.065.420.000	1.065.420.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(961.084.779)	(843.118.441)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.711.455.120	1.291.437.848
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	1.711.455.120	1.291.437.848
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.732.437.688	4.204.037.688
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.732.437.688	4.204.037.688
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		120.081.153.754	117.136.769.140



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.822.978.355	13.439.089.467
310	I. Nợ ngắn hạn		19.822.978.355	13.439.089.467
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.360.057.880	2.209.747.817
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.434.040.197	1.312.308.011
314	3. Phải trả người lao động		8.078.016.237	7.591.764.155
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	129.043.162
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14	221.483.922	383.159.847
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	7.102.914.710	10.009.121
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.626.465.409	1.803.057.354
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		100.258.175.399	103.697.679.673
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	100.258.175.399	103.697.679.673
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		95.000.000.000	95.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		95.000.000.000	95.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.629.374	15.629.374
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.242.546.025	8.682.050.299
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		179.542.244	179.542.244
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		5.063.003.781	8.502.508.055
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		120.081.153.754	117.136.769.140

Vũ Thị Loan
Người lập

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Tùng Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	
			2016 VND	2015 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	61.807.365.705	55.113.246.011
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		61.807.365.705	55.113.246.011
11	4. Giá vốn hàng bán	18	49.901.932.460	44.182.582.660
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.905.433.245	10.930.663.351
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	145.335.465	123.719.040
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	4.199.025.929	3.863.418.153
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.851.742.781	7.190.964.238
31	11. Thu nhập khác	21	7.011.943	59.628.637
32	12. Chi phí khác		-	321.250.706
40	13. Lợi nhuận khác		7.011.943	(261.622.069)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.858.754.724	6.929.342.169
	a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác của Doanh nghiệp		1.530.000.000	1.547.200.000
	b. Lợi nhuận trước thuế của Doanh nghiệp		6.328.754.724	5.382.142.169
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	1.265.750.943	1.184.071.277
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.063.003.781</u>	<u>4.198.070.892</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	533	442



Vũ Thị Loan
Người lập



Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Tùng Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.328.754.724	5.382.142.169
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.838.340.368	4.017.645.055
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(145.335.465)	184.304.393
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.021.759.627	9.584.091.617
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.511.206.480)	(2.159.234.990)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.006.286.185	7.747.186.472
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.446.427.627	393.070.911
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.396.959.969)	(1.185.321.949)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.029.100.000)	(2.102.706.041)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.537.206.990	12.277.086.020
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.248.595.724)	(11.366.903.130)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	451.409.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		371.701.021	123.719.040
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.876.894.703)	(8.791.774.999)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.947.768.235)	(4.051.121.246)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.947.768.235)	(4.051.121.246)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.712.544.052	(565.810.225)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.564.251.716	10.936.693.891
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>19.276.795.768</u>	<u>10.370.883.666</u>



Vũ Thị Loan
Người lập



Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Tùng Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Bến xe Hà Nội được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 05 tháng 05 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hàng khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Bến xe phía Bắc - Bến xe Gia Lâm	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe
Bến xe phía Tây - Bến xe Mỹ Đình	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe
Bến xe phía Nam - Bến xe Giáp Bát	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bến xe

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

2.9 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty vận tải Hà Nội. Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành.

- Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.
- Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng thông báo từ hợp đồng.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.15 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	126.246.043	205.862.313
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.411.110.725	15.187.651.403
Tiền đang chuyển	739.439.000	170.738.000
	19.276.795.768	15.564.251.716

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Hợp tác đầu tư và Phát triển	111.765.000	-
- Công ty CP Xe điện Hà Nội	133.195.000	117.960.000
- Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu - CN Tổng công ty Vận tải Hà Nội	94.834.500	79.170.000
- Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	148.454.000	22.557.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác	240.886.094	91.059.010
	729.134.594	310.746.510
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	437.604.200	254.802.000
<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28</i>		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Công nghệ Futech	298.000.000	-	-	-
Công ty CP XD TM & DV Hương Giang	253.523.500	-	10.533.500	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị số 27	1.328.661.007	-	197.674.000	-
Trả trước cho người bán khác	600.094.000	-	418.770.700	-
	2.480.278.507	-	626.978.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	226.365.556	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	10.154.426	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	6.291.274	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	4.903.696	-
Tạm ứng	300.000.000	-	86.000.000	-
Phải thu khác	80.238.920	-	33.371.435	-
	380.238.920	-	367.086.387	-

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Đầu tư xây dựng bến xe Khuyến Lương	428.675.909	428.675.909
- Đầu tư xây dựng bãi đỗ xe tải BX Giáp Bát	635.956.364	635.956.364
- Đầu tư xây dựng nhà để xe đa năng bến xe Mỹ Đình	196.078.302	196.078.302
- Nâng cấp nhà để xe đa năng bến xe Giáp Bát	197.750.000	-
- Xây dựng hành lang đón khách N02 - BX Giáp Bát	33.818.182	-
- Xây dựng hành lang đón khách N03 - BX Giáp Bát	31.000.000	-
- Công trình công kiểm soát xe vào khu chờ tài BX Giáp Bát	28.800.000	-
- Công trình khác	159.376.363	30.727.273
	1.711.455.120	1.291.437.848

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	130.451.256.755	1.616.797.274	5.097.450.709	6.026.570.384	143.192.075.122
- Mua trong kỳ	1.451.754.453	-	-	312.575.818	1.764.330.271
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.064.248.181	-	-	-	1.064.248.181
- Điều chỉnh giảm theo quyết toán	(16.828.091)	-	-	-	(16.828.091)
Số dư cuối kỳ	132.950.431.298	1.616.797.274	5.097.450.709	6.339.146.202	146.003.825.483
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	55.022.798.665	1.216.489.688	2.593.123.274	2.918.736.510	61.751.148.137
- Khấu hao trong kỳ	3.652.764.130	53.165.454	319.865.568	694.578.878	4.720.374.030
Số dư cuối kỳ	58.675.562.795	1.269.655.142	2.912.988.842	3.613.315.388	66.471.522.167
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	75.428.458.090	400.307.586	2.504.327.435	3.107.833.874	81.440.926.985
Tại ngày cuối kỳ	74.274.868.503	347.142.132	2.184.461.867	2.725.830.814	79.532.303.316

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.473.160.039 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính có Nguyên giá là 1.065.420.000 đồng. Giá trị hao mòn lũy kế tới thời điểm 30/06/2016 của tài sản này là 961.084.779 đồng. Công ty đã khấu hao 117.966.338 đồng trong kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	534.174.620	509.002.247
	534.174.620	509.002.247
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	104.619.403	209.619.403
Lợi thế kinh doanh Doanh nghiệp (*)	2.627.818.285	3.994.418.285
	2.732.437.688	4.204.037.688

(*) Công ty thực hiện phân bổ lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước tối đa không quá 10 năm theo quy định tại Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phân bổ lợi thế thương mại của công ty cổ phần chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP Xây dựng và Giao thông Nam Thái	146.097.000	146.097.000	46.985.000	46.985.000
Công ty CP Xây dựng Xuân Cầu	193.726.000	193.726.000	163.557.000	163.557.000
Công ty TNHH May Tâm Minh Tiến	244.195.000	244.195.000	-	-
Công ty Điện lực Nam Từ Liêm	144.271.380	144.271.380	-	-
Phải trả các đối tượng khác	631.768.500	631.768.500	1.999.205.817	1.999.205.817
	1.360.057.880	1.360.057.880	2.209.747.817	2.209.747.817

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	430.692.846	4.469.084.112	4.276.522.890	-	623.254.068
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	820.094.230	1.265.750.943	1.396.959.969	-	688.885.204
Thuế Thu nhập cá nhân	-	61.520.935	252.984.672	192.604.682	-	121.900.925
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	696.765.630	696.765.630	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
	-	1.312.308.011	6.690.585.357	6.568.853.171	-	1.434.040.197

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước dịch vụ cho thuê mặt bằng	221.483.922	383.159.847
	<u>221.483.922</u>	<u>383.159.847</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	184.753.336	-
- Bảo hiểm xã hội	545.904.351	-
- Bảo hiểm y tế	76.184.175	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	45.118.902	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.707.215.465	4.983.700
- Phải trả Tổng Công ty Vận tải Hà Nội về lợi nhuận phân chia từ Hợp đồng hợp tác liên doanh	1.530.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.738.481	5.025.421
	<u>7.102.914.710</u>	<u>10.009.121</u>

111
CÔNG
H NHIÊN
IG KIẾ
AA
W KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	95.000.000.000	15.629.374	5.432.537.890	100.448.167.264
Lãi trong kỳ trước	-	-	4.198.070.892	4.198.070.892
Phân phối lợi nhuận	-	-	(4.051.121.246)	(4.051.121.246)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.147.537.890)	(1.147.537.890)
Giảm khác	-	-	(33.878.754)	(33.878.754)
Số dư cuối kỳ trước	95.000.000.000	15.629.374	4.398.070.892	99.413.700.266
Số dư đầu năm nay	95.000.000.000	15.629.374	8.682.050.299	103.697.679.673
Lãi trong kỳ này	-	-	5.063.003.781	5.063.003.781
Phân phối lợi nhuận	-	-	(6.650.000.000)	(6.650.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.852.508.055)	(1.852.508.055)
Số dư cuối kỳ này	95.000.000.000	15.629.374	5.242.546.025	100.258.175.399

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 20 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	8.502.508.055
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21,79%	1.852.508.055
Chi trả cổ tức	78,21%	6.650.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	67,06%	63.704.000.000	67,06%	63.704.000.000
Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển	16,36%	15.538.440.000	16,36%	15.538.440.000
Các cổ đông khác	16,58%	15.757.560.000	16,58%	15.757.560.000
	100%	95.000.000.000	100%	95.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	95.000.000.000	95.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.650.000.000	4.051.121.246
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	6.650.000.000	4.051.121.246

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.500.000	9.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi	51.402.569.217	46.730.579.061
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ khác	10.404.796.488	8.382.666.950
	61.807.365.705	55.113.246.011
Doanh thu đối với các bên liên quan	802.974.540	707.882.274
<i>Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28</i>		

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Giá vốn của dịch vụ cho thuê bến bãi đã cung cấp	42.371.932.460	38.310.742.660
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	7.530.000.000	5.871.840.000
	49.901.932.460	44.182.582.660

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	145.335.465	123.719.040
	145.335.465	123.719.040

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.198.820.875	2.822.450.855
Chi phí khấu hao tài sản cố định	229.975.350	229.975.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.659.220	94.887.273
Chi phí khác bằng tiền	554.570.484	716.104.675
	4.199.025.929	3.863.418.153

21 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt thu được	5.000.000	29.800.000
Thu nhập khác	2.011.943	29.828.637
	7.011.943	59.628.637

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.328.754.724	5.382.142.169
Thu nhập tính thuế TNDN	6.328.754.724	5.382.142.169
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.265.750.943	1.184.071.277
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	820.094.230	621.478.903
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.396.959.969)	(1.185.321.949)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	688.885.204	620.228.231

31/11/16
CÔNG
CH NHIỆM
NG KIỂM
AAS
TƯ KIỂM

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU .

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5.063.003.781	4.198.070.892
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.063.003.781	4.198.070.892
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	533	442

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	28.841.186.026	25.619.542.175
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.838.340.368	4.017.645.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.660.163.461	6.026.677.798
Chi phí khác bằng tiền	11.761.268.534	12.400.135.785
	54.100.958.389	48.064.000.813

25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.276.795.768	-	15.564.251.716	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.109.373.514	-	677.832.897	-
Đầu tư ngắn hạn	12.600.000.000	-	12.600.000.000	-
	32.986.169.282	-	28.842.084.613	-
			Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			8.462.972.590	2.219.756.938
Chi phí phải trả			-	129.043.162
			8.462.972.590	2.348.800.100

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.276.795.768	-	-	19.276.795.768
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.109.373.514	-	-	1.109.373.514
Đầu tư ngắn hạn	12.600.000.000	-	-	12.600.000.000
	32.986.169.282	-	-	32.986.169.282
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.564.251.716	-	-	15.564.251.716
Phải thu khách hàng, phải thu khác	677.832.897	-	-	677.832.897
Đầu tư ngắn hạn	12.600.000.000	-	-	12.600.000.000
	28.842.084.613	-	-	28.842.084.613

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.462.972.590	-	-	8.462.972.590
	8.462.972.590	-	-	8.462.972.590
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.219.756.938	-	-	2.219.756.938
Chi phí phải trả	129.043.162	-	-	129.043.162
	2.348.800.100	-	-	2.348.800.100

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
		VND	VND
Doanh thu		802.974.540	707.882.274
Tổng Công ty vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	5.027.271	6.563.636
Trung tâm Tân Đạt	Cùng Tổng Công ty	153.832.724	135.361.819
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	Cùng Tổng Công ty	306.208.637	268.827.274
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Cùng Tổng Công ty	337.905.908	297.129.545
Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	154.430.906	223.655.455

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Phía Nam, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	669.282.273	587.127.273
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Cùng Tổng Công ty	502.836.820	-
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Cùng Tổng Công ty	25.167.729	-
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Cùng Tổng Công ty	234.800.908	242.979.546
Công ty CP Xe điện Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	356.745.000	741.265.909
Phân chia lợi nhuận trước thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh		1.530.000.000	1.547.200.000
Tổng Công ty vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	1.530.000.000	1.547.200.000
Cổ tức		4.459.280.000	2.739.272.000
Tổng Công ty vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	4.459.280.000	2.739.272.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		437.604.200	254.802.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	Công ty mẹ	-	150.000
Trung tâm Tân Đạt	Cùng Tổng Công ty	10.850.000	-
Xí nghiệp Xe buýt 10-10	Cùng Tổng Công ty	11.289.700	10.356.000
Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long	Cùng Tổng Công ty	12.444.000	11.407.500
Xí nghiệp Xe khách Nam HN	Cùng Tổng Công ty	13.260.000	1.036.000
Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	148.454.000	22.557.500
Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu	Cùng Tổng Công ty	94.834.500	79.170.000
Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên	Cùng Tổng Công ty	4.590.000	4.185.000
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	Cùng Tổng Công ty	8.687.000	7.980.000
Công ty CP Xe điện Hà Nội	Cùng Tổng Công ty	133.195.000	117.960.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	782.512.500	851.200.000

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 chưa được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Vũ Thị Loan
Người lập



Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Tùng Anh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2016